

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ việc dân sự thụ lý số 418/2018/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2018 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn” theo yêu cầu của:

Người yêu cầu:

- Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1988;
- Bà Nguyễn Thị Như T, sinh năm 1987;

Cùng địa chỉ: số 199/10 đường A, tổ 1, khu phố 4, phường B, Quận C, Thành phố D.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213, Điều 361, Điều 370, Điều 371 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 51, Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 năm 2015 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2017 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 29 tháng 06 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 29 tháng 06 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị Như T.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị Như T thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 12, Quyền số 01/2011 do Ủy ban nhân dân phường phường B, Quận C, Thành phố D cấp ngày 28/01/2011).

2.2 Về con chung: Ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị Như T có 01 (một) con chung, họ và tên Nguyễn Lâm Như N, sinh ngày 19/5/2012 (nữ).

Giao con cho ông Nguyễn Văn D trực tiếp nuôi dưỡng con chung, bà Nguyễn Thị Như T không cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Nguyễn Thị Như T có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

2.3 Về tài sản chung: các đương sự xác định là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4 Về nợ chung: các đương sự xác định là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về lệ phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị Như T chịu tiền lệ phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng. Được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu số AA/2017/0025577 ngày 12/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Các đương sự đã nộp đủ lệ phí dân sự.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND Tp.HCM;
- VKSND Quận 7;
- Chi cục THADS Quận 7;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS. (Hòa)

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Đỗ Quốc Đạt